

Số: 204 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp tại Công ty TNHH May mặc Trọng Phúc

Thực hiện Quyết định số 251/QĐ-TTr ngày 28/6/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 19/7/2023, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (sau đây viết tắt là BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN) tại Công ty TNHH May mặc Trọng Phúc.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 11/8/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

- Tên đơn vị sử dụng lao động: Công ty TNHH May mặc Trọng Phúc (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Địa điểm trụ sở chính: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
- Số điện thoại liên hệ: 02383776777.
- Loại hình: Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- Mã số doanh nghiệp: 2902028649.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2902028649 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 07/7/2023.
- Chi nhánh: Chi nhánh Công ty TNHH May Mặc Trọng Phúc tại Quỳnh Thanh, Quỳnh Lưu-Công ty TNHH May mặc Trọng Phúc; địa chỉ: xóm 3, xã Quỳnh Thanh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.
- Lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính: gia công hàng may mặc.
- Tài khoản giao dịch tại ngân hàng:
 - + Số 114603267999 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh.



h

+ Số 222269888888 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Nghệ An - Phòng Giao dịch Diễn Châu.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác quản lý, sử dụng lao động và đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN

1.1. Tình hình quản lý, sử dụng lao động

a) Tổng số người đang làm việc tại thời điểm thanh tra: 225 người, trong đó:

- Chi tiết số người đã ký hợp đồng:

+ Hợp đồng thử việc, học nghề, tập nghề: 06 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 03 tháng đến 36 tháng: 0 người.

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 219 người.

- Chi tiết số người làm việc là người nước ngoài, người làm việc là người Việt Nam:

+ Người làm việc là người nước ngoài: 0 người.

+ Người làm việc là người Việt Nam: 225 người.

- Số lao động thuộc diện phải ký hợp đồng lao động nhưng chưa ký: 0 người.

- Số lao động bị mất việc làm từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 0 người; việc trả trợ cấp mất việc làm: không phát sinh.

- Số lao động thôi việc từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 198 người (không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc); việc trả trợ cấp thôi việc: không phát sinh.

- Doanh nghiệp đã lập, cập nhật sổ quản lý lao động theo quy định; xuất trình sổ quản lý lao động với Đoàn thanh tra theo quy định.

- Định kỳ 06 tháng, hằng năm, doanh nghiệp đã báo cáo tình hình thay đổi lao động đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Nghệ An; báo cáo tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm 2023 gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Nghệ An ngày 04/7/2023; định kỳ 06 tháng, hằng năm, doanh nghiệp chưa thông báo tình hình thay đổi lao động đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện.

* Hợp đồng lao động không ghi khoản phụ cấp lương (thưởng hiệu quả theo kết quả thực hiện công việc của người lao động).

1.2. Việc đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN

- Việc đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho người lao động:

+ Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: 219 người.

+ Số lao động đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: 219 người.

+ Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN nhưng chưa tham gia: 0 người.

- Số lao động không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: 06 người (người lao động giao kết hợp đồng thử việc, thời gian thử việc 30 ngày).

- Doanh nghiệp chưa niêm yết công khai định kỳ 06 tháng thông tin về việc đóng BHXH cho người lao động.

* Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký tham gia BHXH cho 22 người lao động quá thời hạn (30 ngày) kể từ ngày giao kết hợp đồng lao động, nộp hồ sơ đăng ký tham gia BHTN cho 22 người lao động quá thời hạn (30 ngày) kể từ ngày hợp đồng lao động có hiệu lực (Phụ lục số 01).

2. Tiền lương và việc trích nộp BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN

2.1. Tiền lương

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 3.640.000 đồng/tháng (không thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định).

- Các loại phụ cấp lương đang áp dụng: phụ cấp lương (theo kết quả thực hiện công việc của người lao động).

- Các khoản bổ sung khác được trả hàng tháng vào lương cho người lao động: không.

- Các khoản hỗ trợ: ăn trưa, xăng xe, nhà ở, điện thoại, nguyệt san.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian.

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Việc trả cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền cho người lao động tương đương với mức người sử dụng lao động đóng BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động không thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT theo quy định của pháp luật: không phát sinh.

2.2. Việc trích BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN từ tiền lương của người lao động

- Tiền lương tháng đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: mức lương thỏa thuận tại hợp đồng lao động.

- Các khoản không trích nộp BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: khoản phụ cấp lương (theo kết quả thực hiện công việc của người lao động), khoản hỗ trợ (ăn trưa, xăng xe, nhà ở, điện thoại, nguyệt san).

3. Việc nộp BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN

- Số tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN phải đóng trong thời kỳ thanh tra: 6.076.025.000 đồng.

- Số tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN đã đóng trong thời kỳ thanh tra: 2.420.828.900 đồng.

- Số tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN chậm đóng tại thời điểm thanh tra: 3.655.196.100 đồng. Trong đó, chậm đóng BHXH, BHTN 3.328.829.681 đồng (không bao gồm lãi chậm đóng).

- Số tiền xử phạt vi phạm hành chính do chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 0 đồng.

4. Việc giải quyết các chế độ BHXH đối với người lao động

- Số lượt người lao động đã được doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị và được cơ quan BHXH giải quyết các chế độ BHXH: 197 lượt người (tổng số tiền 527.254.350 đồng); trong đó:

+ Chế độ ốm đau: 166 lượt người (tổng số tiền 101.188.950 đồng).

+ Chế độ thai sản: 18 lượt người (tổng số tiền 397.904.400 đồng).

+ Chế độ dưỡng sức: 14 lượt người (tổng số tiền 28.161.000 đồng).

+ Chế độ TNLĐ-BNN: 0 lượt người.

+ Chế độ hưu trí: 0 lượt người.

+ Chế độ tử tuất: 0 lượt người.

- Số tiền hưởng các chế độ BHXH của người lao động đã được cơ quan BHXH giải quyết nhưng doanh nghiệp chưa chi trả: 0 đồng.

- Số lao động đã được doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị nhưng không được cơ quan BHXH giải quyết các chế độ BHXH: 0 người.

- Số lao động đủ điều kiện hưởng các chế độ BHXH nhưng doanh nghiệp chưa lập hồ sơ đề nghị cơ quan BHXH giải quyết: 0 người.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động, BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN đã được doanh nghiệp thực hiện

h

1.1. Đã giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản đối với người lao động thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động.

1.2. Đã lập, cập nhật, quản lý, sử dụng sổ quản lý lao động và xuất trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

1.3. Đã báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm tình hình thay đổi lao động đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Nghệ An.

1.4. Đã đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.5. Đã trả lương cho người lao động với mức lương không thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định.

1.7. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

1.8. Đã lập hồ sơ đề nghị hưởng các chế độ BHXH của người lao động gửi cơ quan BHXH.

2. Những quy định của pháp luật về lao động, BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Báo cáo tình hình thay đổi lao động đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Nghệ An không đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; cụ thể: báo cáo tình hình thay đổi lao động 6 tháng đầu năm 2023 của doanh nghiệp đề ngày 04/7/2023.

2.2. Chưa thông báo tình hình thay đổi lao động đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện nơi đặt trụ sở, chi nhánh theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.3. Hợp đồng lao động không thỏa thuận đầy đủ về tiền lương (không ghi khoản phụ cấp lương: thưởng hiệu quả) theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.4. Chưa niêm yết công khai định kỳ 06 tháng thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định tại khoản 7 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội.

2.5. Nộp hồ sơ đăng ký tham gia BHXH, BHTN không đúng thời hạn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 99, khoản 1 Điều 44 Luật Việc làm (Phụ lục số 01).

2.6. Chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN với số tiền 3.655.196.100 đồng (bao gồm lãi chậm đóng) theo quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 44 Luật Việc làm, khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014 và khoản 1 Điều 44 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 40/QĐ-XPHC ngày 01/8/2023 về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi: chậm đóng BHXH, BHTN với số tiền 3.328.829.681 đồng (không bao gồm lãi chậm đóng) tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, quy định tại điểm a khoản 5 Điều 39 Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Số tiền bị xử phạt vi phạm hành chính 150.000.000 đồng.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp khắc phục sai phạm nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này như sau:

+ Khắc phục khi có phát sinh đối với các vi phạm nêu tại điểm 2.1, 2.2, 2.4 và 2.5.

+ Khắc phục trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra này đối với vi phạm nêu tại điểm 2.3.

+ Khắc phục trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra này đối với vi phạm nêu tại điểm 2.6 (không bao gồm các nội dung phải chấp hành tại Quyết định số 40/QĐ-XPVPHC ngày 01/8/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về xử phạt vi phạm hành chính).

- Chấp hành nghiêm Quyết định số 40/QĐ-XPVPHC ngày 01/8/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về xử phạt vi phạm hành chính.

- Thực hiện công khai Kết luận thanh tra theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận Kết luận thanh tra này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện kiến nghị, quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, hồ sơ có liên quan đến việc khắc phục sai phạm, thiếu sót đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội)./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Sở LĐTBXH tỉnh Nghệ An (để p/h);
- BHXH tỉnh Nghệ An (để p/h);
- Công TTĐT Bộ; trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Anh Tuấn



Phụ lục số 01

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THAM GIA BHXH, BHYT QUÁ THỜI HẠN QUY ĐỊNH

STT	Họ và tên	Số xố BHXH	Ngày ký hợp đồng	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Thời hạn hợp đồng	Ngày đăng ký tham gia BHXH, BHTN	Số ngày quá thời hạn đăng ký tham gia BHXH, BHTN (ngày)
1	Cao Thị Trang	0112008228	07/03/2022	07/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	45
2	Đoàn Thị Thanh Giang	3622438698	07/03/2022	07/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	45
3	Đàm Thị Thảo	4017709017	07/03/2022	07/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	45
4	Nguyễn Thị Nga	4017743070	09/03/2022	09/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	43
5	Phạm Thị Tuyên	4017901622	07/03/2022	07/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	45
6	Hà Thị Kim Lan	4017906783	07/03/2022	07/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	45
7	Nguyễn Thị Nga	4018014606	09/03/2022	09/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	43
8	Cao Minh Hùng	4018025398	07/03/2022	07/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	45
9	Đinh Thị Phượng	4018063903	07/03/2022	07/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	45
10	Phan Thị Hoa	4018069005	07/03/2022	07/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	45
11	Đào Trọng Hợi	4018345902	09/03/2022	09/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	43
12	Phạm Thị Tuyết	4018375842	09/03/2022	09/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	43
13	Phạm Thị Lan	4018474762	09/03/2022	09/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	43
14	Phạm Thị Luyến	4018499406	09/03/2022	09/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	43
15	Nguyễn Thị Lan	4018754969	07/03/2022	07/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	45

STT	Họ và tên	Số sổ BHXH	Ngày ký hợp đồng	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Thời hạn hợp đồng	Ngày đăng ký tham gia BHXH, BHTN	Số ngày quá thời hạn đăng ký tham gia BHXH, BHTN (ngày)
16	Ngô Thị Vân	4019128643	07/03/2022	07/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	45
17	Cao Thị Thủy	7409242019	07/03/2022	07/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	45
18	Hoàng Thị Hương	7516048460	09/03/2022	09/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	43
19	Phạm Thị Liễu	7910345899	07/03/2022	07/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	45
20	Nguyễn Thị Nhung	7913155631	07/03/2022	07/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	45
21	Phạm Thị Dung	7916059525	07/03/2022	07/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	45
22	Nguyễn Thị Thao	9712635520	07/03/2022	07/03/2022	Không xác định thời hạn	5/21/2022	45